

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,
TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-NHGD ngày 09 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1990

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 88, khu phố C, thị trấn L, huyện B1, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Điền Th, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Cẩn Gi, xã Th, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/11/2018, bản tự khai ngày 22/11/2018, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 09/4/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị H) trình bày:

Chị H và anh Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện D, tỉnh B ngày 15/01/2015.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh Th có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Tuấn Kh, sinh ngày 06/9/2015, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, chồng thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về đánh đập vợ con, vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc nên đã không sống chung từ tháng 06/2018 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh Th không quan tâm, thăm hỏi vợ con, để một mình chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị H làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Th.

Đối với bị đơn:

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho anh Th biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng phía anh Th vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ, tài liệu được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

- Đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 22/11/2018
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01/2015 ngày 15/01/2015 (bản sao);
- 01 Giấy khai sinh (bản sao);
- 02 Biên bản xác minh ngày 30/01/2019 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo biên bản xác minh ngày 30/01/2019, Công an xã Th xác nhận bị đơn anh Nguyễn Điền Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Càn Gi, xã Th, huyện D, tỉnh B do mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1966 làm chủ hộ, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Việc Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn thông qua bà Th1 là đúng với quy định tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2015 ngày 15/01/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo biên bản xác minh ngày 30/01/2019, bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1966 xác nhận: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do quá trình chung sống, hai bên không hợp tính tình và không hòa hợp lối sống của nhau nên thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 06/2018 cho đến nay. Hiện nay bị đơn đi làm ăn ở địa phương khác và thỉnh thoảng có về thăm mẹ ruột, bị đơn có biết nguyên đơn làm đơn xin ly hôn nhưng không có ý kiến.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng: Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để cùng nhau nuôi dạy các con, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ. Thế nhưng tình nghĩa vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được những điều đó. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn. Từ lời khai của nguyên đơn, sự không thiện chí của bị đơn và kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có một con chung tên Nguyễn Thanh Tuấn Kh, sinh ngày 06/9/2015, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay con chung đang do nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn bị đơn đã đi làm ăn ở địa phương khác nên tiếp tục giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con và phù hợp với quy định tại Điều 69, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu về nuôi con của nguyên đơn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích cho nguyên đơn biết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 và quyền của nguyên đơn theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 8, 9, 19, 56, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lê Thị Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Điền Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh Tuấn Kh, sinh ngày 06/9/2015 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị Lê Thị H không yêu cầu nên anh Nguyễn Điền Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012895 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2019).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- UBND xã Th, huyện D, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Tạo